



máo tóu

毛头

noun · youngster; greenhorn

Example Sentence

zhè ge máo tóu gāng lái gōng sī xū yào duō xué xí
这个毛头刚来公司，需要多学习。

This greenhorn just joined the company and
needs to learn more.

Trace each character, then write the word on your own.

毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛													
头	头	头	头	头	头	头	头												